

# Bộ điều khiển vị trí CMSX-P-SE-C-U-F1-D-130-C

Số bộ phận: 3929540

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                  |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Cấu trúc xây dựng                                          | bộ điều chỉnh vị trí kỹ thuật số, điện khí nén           |
| Nguyên tắc vận hành                                        | tác động kép                                             |
| Các đặc điểm kết cấu                                       | Vị trí an toàn - đầu ra khí nén đóng                     |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                   |
| Kiểu gắn                                                   | với phụ kiện                                             |
| Nguyên tắc đo Hệ thống đo quãng đường                      | Biến trở                                                 |
| Hiển thị                                                   | 7 đoạn<br>Màn hình LCD<br>có đèn nền                     |
| Kích thước của vùng chết                                   | 0.5 %...10 %                                             |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar<br>43.5 psi...116 psi |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                     |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Không thể hoạt động bằng dầu                             |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 130 l/ph                                                 |
| Cổng nối khí nén                                           | G1/8                                                     |
| Điện áp hoạt động danh định DC                             | 24 V                                                     |
| Dải điện áp hoạt động DC                                   | 21.6 V...26.4 V                                          |
| Tiêu thụ điện tối đa                                       | 600 mA                                                   |
| Chống phân cực                                             | cho các kết nối điện áp hoạt động                        |
| Điện trở kết nối                                           | 80 kOhm                                                  |
| Các đầu vào analog, dải tín hiệu                           | 0 - 10 V<br>0 - 20 mA<br>4 - 20 mA                       |
| Đầu vào tương tự, dải điều khiển tối đa                    | 0 - 24 mA<br>0 - 11 V                                    |
| Đầu vào tương tự, lỗi tuyến tính ở 25 °C                   | 0,5 %                                                    |
| Đầu vào tương tự, hệ số nhiệt độ                           | 0.02 %FS/K                                               |
| Các đầu vào analog, độ phân giải                           | 16 bit                                                   |
| Đầu vào tương tự, chống quá tải                            | có                                                       |
| Đầu vào tương tự, cách ly điện                             | không                                                    |
| Các đầu ra analog, dải tín hiệu                            | 4 - 20 mA                                                |

| Đặc tính                                   | Giá trị                                                                                                                   |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các đầu ra analog, trở kháng tải tối đa    | 600 Ohm                                                                                                                   |
| Đầu ra tương tự, lỗi tuyến tính ở 25 °C    | 0,5%                                                                                                                      |
| Đầu ra tương tự, hệ số nhiệt độ            | 0.02 %FS/K                                                                                                                |
| Các đầu ra analog, độ phân giải            | 12 bit                                                                                                                    |
| Đầu ra tương tự, chống phân cực            | có                                                                                                                        |
| Đầu ra tương tự, khả năng chống ngắn mạch  | có                                                                                                                        |
| Đầu ra tương tự, khả năng chống quá tải    | có                                                                                                                        |
| Đầu ra tương tự, cách ly điện              | không                                                                                                                     |
| Đường đặc trưng đầu vào                    | theo IEC 61131-2, loại 3                                                                                                  |
| Đầu vào kỹ thuật số, bảo vệ phân cực ngược | có                                                                                                                        |
| Các đầu vào kỹ thuật số, cách ly điện      | có, bộ ghép nối quang                                                                                                     |
| Đầu ra kỹ thuật số, bảo vệ phân cực ngược  | có                                                                                                                        |
| Đầu ra chuyển mạch                         | 3 x PNP hoặc 3 x NPN có thể chuyển đổi                                                                                    |
| Đầu ra kỹ thuật số, đầu ra hiện tại        | 100 mA                                                                                                                    |
| Đầu ra kỹ thuật số, bảo vệ ngắn mạch       | có                                                                                                                        |
| Đầu ra kỹ thuật số, độ chống quá tải       | có                                                                                                                        |
| Đầu ra kỹ thuật số, cách ly điện           | có, bộ ghép nối quang                                                                                                     |
| Cổng nối điện 1, chức năng                 | 3x đầu ra kỹ thuật số<br>Đầu ra analog<br>Đầu vào tương tự<br>Đầu vào kỹ thuật số<br>Nguồn cấp điện<br>Nguồn cấp điện tải |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối              | Dải đầu kẹp                                                                                                               |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối         | Đầu kẹp vít                                                                                                               |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây           | 13                                                                                                                        |
| Cổng nối điện 1, mô men xoắn siết chặt     | 0.6 N m                                                                                                                   |
| Cổng nối điện 1, tiết diện dây dẫn         | 1.5 mm <sup>2</sup>                                                                                                       |
| Cổng nối điện 2, chức năng                 | cảm biến góc/đường dẫn bên ngoài                                                                                          |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối              | Dải đầu kẹp                                                                                                               |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối         | Đầu kẹp vít                                                                                                               |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                | 3                                                                                                                         |
| Kết nối điện 2, siết chặt mô-men xoắn      | 0.6 N m                                                                                                                   |
| Cổng nối điện 2, tiết diện dây dẫn         | 1.5 mm <sup>2</sup>                                                                                                       |
| Bộ kết nối cáp                             | M12x1,5 cho cổng nối điện 2<br>M20x1,5 cho cổng nối điện 1                                                                |
| Đường kính cáp cho phép                    | 3 - 6,5 mm đối với cổng nối điện 2<br>7 - 13 mm đối với cổng nối điện 1                                                   |
| Chiều dài dây dẫn tối đa                   | 3 mm đối với cổng nối điện 2<br>30 mm đối với cổng nối điện 1                                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh             | -5 °C...60 °C                                                                                                             |
| Nhiệt độ bảo quản                          | -20 °C...60 °C                                                                                                            |
| Độ ẩm tương đối                            | 5 - 95 %<br>không cô đặc                                                                                                  |
| Mức độ bảo vệ                              | IP65                                                                                                                      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                    |
| chống sốc                                  | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27<br>theo EN 60068-2-29                         |
| Khả năng chống rung                        | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6<br>theo EN 60068-2-6                 |
| Giấy phép                                  | Dấu RCM                                                                                                                   |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)        | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                       |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)      | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                                                     |

| Đặc tính                | Giá trị                    |
|-------------------------|----------------------------|
| Vật liệu vỏ             | PC gia cố                  |
| Vật liệu tấm cơ sở      | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa |
| Vật liệu trục           | thép không gỉ hợp kim cao  |
| Vật liệu khớp nối       | thép hợp kim không gỉ      |
| Vật liệu vít            | thép hợp kim cao không gỉ  |
| Vật liệu cửa phốt       | NBR                        |
| Vật liệu bộ kết nối cáp | PA                         |
| Vật liệu các nút bịt    | PA                         |
| Tuân thủ LABS           | VDMA24364-B2-L             |
| Ghi chú vật liệu        | Tuân thủ RoHS              |
| trọng lượng sản phẩm    | 970 g                      |
| Kích thước B x L x H    | 190 mm x 105 mm x 130 mm   |